

Mẫu nhãn hộp 10 viên nén sủi bọt : **Calci D-Hasan 600/400**

<https://trungtamthuoc.com/>

Kích thước

: 106 x 38 x 38 mm

Màu sắc

: như mẫu

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 04 / 3 / 2014

38

106 mm

HASAN

**Calci D-Hasan
600 / 400**

Composition

Calcium lactate gluconate 1358 mg
Calcium carbonate 1050 mg
(equivalent to 600 mg Calcium)
Cholecalciferol (Vitamin D3) 4 mg
(equivalent to 400 IU)
Excipients q.s. 1 tablet

Indications, Contraindications, Dosage and Administration, Interactions, Side effects and other precautions: Read carefully the enclosed leaflet.

Store in a dry place, below 30°C.
Protect from heat and humidity!
Keep the tube tightly closed after use.
Manufacturer's specification.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE DIRECTIONS
BEFORE USE!**

HASAN

HASAN - DERMAPHARM CO., LTD.

Road No. 2, Dong An Industrial Park,
Binh Duong Province, Vietnam

**Calci
D-Hasan
600 / 400**

**Calcium lactate gluconate 1358 mg
Calcium carbonate 1050 mg
Cholecalciferol (Vitamin D3) 400 IU
(600 mg Calcium - 400 IU Vitamin D3)**

10 Effervescent tablets

**Calci D-Hasan
600 / 400**

Thành phần

Calci lactat gluconat 1358 mg
Calci carbonat 1050 mg
(tương đương 600 mg Calci)
Cholecalciferol (Vitamin D3) 4 mg
(tương đương 400 đơn vị quốc tế)
Tá dược vđ 1 viên

Chỉ định, Chống chỉ định, Liều dùng, Cách dùng, Tương tác, Tác dụng phụ, Thận trọng: Xin đọc hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C. Tránh nắng
ấm. Đậy nắp kín ngay sau khi sử dụng.

Tiêu chuẩn cơ sở.
SBK - Reg. No.:

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI
DÙNG!**

HASAN

Cty TNHH HASAN - DERMAPHARM

Đường số 2 - KCN Đông An,
Binh Duong, Việt Nam

**Calci
D-Hasan
600 / 400**

**Calci lactat gluconat 1358 mg
Calci carbonat 1050 mg
Cholecalciferol (Vitamin D3) 400 đơn vị
(600 mg Calci - 400 đơn vị Vitamin D3)**

10 Viên nén sủi bọt



Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. Date:
HD - Exp. Date:



**TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: Trần Đình Hoàng**

Mẫu nhãn tuýp 10 viên nén sủi bọt : **Calci D-Hasan 600/400** <https://trungtamthuooc.com/>

Kích thước : 91 x 93 mm

Màu sắc : như mẫu

91

11

71

11

Handwritten mark

Composition
Calcium lactate gluconate 1358 mg
Calcium carbonate 1050 mg
(equivalent to 600 mg Calcium)
Cholecalciferol (Vitamin D3) 4 mg
(equivalent to 400 IU)
Excipients q.s. 1 tablet

Thành phần
Calci lactat gluconat 1358 mg
Calci carbonat 1050 mg
(tương đương 600 mg Calci)
Cholecalciferol (Vitamin D3) 4 mg
(tương đương 400 đơn vị quốc tế)
Tã dược vđ 1 viên

10 Viên nén sủi bọt

Calci D-Hasan 600 / 400

Indications, Contraindications, Dosage and Administration, Interactions, Side effects and other precautions: Read carefully the enclosed leaflet.

Chỉ định, Chống chỉ định, Liều dùng, Cách dùng, Tương tác, Tác dụng phụ, Thận trọng: Xin đọc hướng dẫn sử dụng.

Store in a dry place, below 30°C.
Protect from heat and humidity!
Keep the tube tightly closed after use.
Manufacturer's specification.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C. Tránh nóng ẩm. Đậy nắp kín ngay sau khi sử dụng.
Tiêu chuẩn cơ sở.
SĐK - Reg. No.:
Số lô SX, NSX, HD: xem dưới đây tuýp.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE DIRECTIONS
BEFORE USE!**

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Calci lactat gluconat 1358 mg
Calci carbonat 1050 mg
Cholecalciferol (Vitamin D3) 400 đvqt
(600 mg Calci - 400 đvqt Vitamin D3)

HASAN

Cty TNHH HASAN - DERMAPHARM
Đường số 2 - KCN Đồng An,
Bình Dương, Việt Nam.

8 936024 399511



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS: Trần Đình Hương

140 x 200 mm

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Calci D-Hasan 600 / 400

Viên nén sủi bọt

Thành phần

- Hoạt chất:

Calci lactat gluconat 1358 mg và Calci carbonat 1050 mg, tương đương 600 mg calci.

Cholecalciferol (Vitamin D3) 4 mg, tương đương 400 đơn vị quốc tế (đvqt).

- Tá dược: Acid citric khan, Natri carbonat khan, Aspartam, Saccharose, PEG 6000, Kollidon K30, Hương vị cam.

Được lực học

Calci:

- Ion calci rất cần thiết cho nhiều quá trình sinh học: kích thích nơron thần kinh, giải phóng chất dẫn truyền thần kinh, cơ cơ, bảo toàn màng và làm đông máu. Ion calci còn giúp chức năng truyền tin thứ cấp cho hoạt động của nhiều hormon.

- Trên hệ tim mạch: Ion calci rất cần thiết cho kích thích và co bóp cơ tim cũng như cho sự dẫn truyền xung điện trên một số vùng của cơ tim, đặc biệt qua nút nhĩ thất.

- Trên hệ thần kinh cơ: Ion calci đóng vai trò quan trọng trong kích thích và co bóp cơ.

Cholecalciferol (Vitamin D3):

Cholecalciferol (Vitamin D3) có chức năng chính là duy trì nồng độ calci và phospho bình thường trong huyết tương bằng cách tăng hiệu quả hấp thu các chất khoáng từ khẩu phần ăn, ở ruột non, tăng huy động calci và phospho từ xương vào máu.

Được động học

Calci:

- **Hấp thu:** Calci được hấp thu chủ yếu qua ruột non nhờ cơ chế vận chuyển tích cực và khuếch tán thụ động. Khoảng 1/3 lượng calci được hấp thu mặc dù tỷ lệ này có thể thay đổi tùy thuộc vào chế độ ăn uống và tình trạng ruột non. Vitamin D giúp làm tăng khả năng hấp thu calci.

- **Phân bố và chuyển hóa:** 99% lượng calci trong cơ thể được tập trung trong xương và răng, 1% còn lại được phân bố trong dịch nội bào và ngoại bào. Khoảng 50% nồng độ calci trong huyết tương ở dạng ion hóa có hoạt tính sinh lý; khoảng 5% tạo thành phức hợp với phosphat, citrat hoặc anion khác và 45% còn lại được liên kết với protein, chủ yếu là albumin.

- **Thải trừ:** Lượng ion calci được thải qua nước tiểu phụ thuộc vào độ lọc cầu thận và tái hấp thu ở ống thận, hơn 98% lượng ion calci lọc qua cầu thận được tái hấp thu vào máu. Một lượng calci đáng kể được thải trừ vào sữa trong thời kỳ cho con bú, một phần thải qua mồ hôi và qua phân.

Cholecalciferol (Vitamin D3):

- **Hấp thu:** Cholecalciferol được hấp thu tốt qua đường tiêu hóa, chủ yếu từ ruột non.

- **Phân bố và chuyển hóa:** Cholecalciferol được hydroxyl hóa ở gan tạo thành 25 – hydroxycholecalciferol. Chất này tiếp tục được hydroxyl hóa ở thận để tạo thành chất chuyển hóa 1, 25 – dihydroxycholecalciferol có hoạt tính; đây là chất có vai trò tăng sự hấp thu calci. Phần không được chuyển hóa được lưu trữ trong mô mỡ và cơ.

- **Thải trừ:** Cholecalciferol và các chất chuyển hóa của nó được

bài xuất chủ yếu qua mật và phân, chỉ có một lượng nhỏ xuất hiện trong nước tiểu.

Chỉ định

Calci D-Hasan 600/400 là sự kết hợp của Calci (dưới dạng muối Calci carbonat và Calci lactat gluconat) và Cholecalciferol (Vitamin D3) dưới dạng viên sủi, được dùng như một chế phẩm bổ sung calci và Vitamin D.

- Phòng và hỗ trợ điều trị bệnh loãng xương ở phụ nữ, người có tuổi, người hút thuốc lá, nghiện rượu và các đối tượng có nguy cơ cao như: dùng corticoid kéo dài, sau chấn thương hoặc thời gian dài nằm bất động.
- Điều trị các bệnh còi xương, nhuyễn xương, mất xương cấp và mạn, bệnh Sheuermann.
- Bổ sung calci, Vitamin D hàng ngày cho sự tăng trưởng hệ xương, răng của trẻ em, thanh thiếu niên, tuổi dậy thì.
- Bổ sung calci, Vitamin D cho phụ nữ có thai, cho con bú, phòng ngừa các biến chứng do thiếu calci cấp và mạn.
- Đáp ứng nhu cầu bổ sung calci và Vitamin D trong các trường hợp thiếu hụt do ăn kiêng, điều trị gãy xương, các bệnh tật khác (bệnh mắt, dị ứng, bệnh đường ruột lâu ngày...).

Liều lượng và cách dùng

Liều lượng:

- Phòng ngừa loãng xương/ nhuyễn xương ở các trường hợp thiếu hụt calci ở thanh thiếu niên, phụ nữ có thai và cho con bú, người lớn tuổi: 1 viên/ngày.

- Điều trị bệnh loãng xương/ nhuyễn xương: 2 viên/ngày.

Thời gian điều trị và liều lượng phụ thuộc vào từng bệnh và mức độ nghiêm trọng của bệnh.

Cách dùng:

Hòa tan viên sủi trong một ly nước, uống ngay sau khi hòa tan. Nên uống trước hoặc sau bữa ăn 1 giờ.

Chống chỉ định

- Quá mẫn với các thành phần của thuốc.
- Những bệnh kèm theo hội chứng tăng calci trong máu (như ở bệnh nhân cường cận giáp, quá liều do Vitamin D, u ác tính tiêu xương...).
- Tăng calci niệu nặng, sỏi niệu, sỏi thận, suy thận nặng.
- Loãng xương do bất động.
- Đang điều trị với Vitamin D, epinephrin, digitalis.
- Rung thất trong hồi sức tim, bệnh tim.

Thận trọng

- Sử dụng quá nhiều muối calci có thể dẫn đến tình trạng tăng calci huyết.
- Cần thông báo cho bác sỹ về tiền sử bệnh, đặc biệt trong các bệnh: rối loạn hệ miễn dịch (sarcoidosis) hoặc thiếu năng cận giáp (có thể gây tăng nhạy cảm với Vitamin D), suy chức năng thận, tiền sử sỏi thận, bệnh tim, xơ vữa động mạch, bệnh gan, bệnh đường ruột (bệnh Crohn's, bệnh Whipple's), chứng thiếu toan dịch vị ...
- Cần theo dõi nồng độ calci trong máu và trong nước tiểu ở bệnh nhân suy thận, tiền sử sỏi thận... hoặc đang sử dụng Vitamin D nếu điều trị lâu dài trên những bệnh nhân này.
- Vì thuốc có chứa Vitamin D nên việc dùng thêm Vitamin D cần có sự theo dõi y tế để tránh quá liều.

Tác dụng phụ

- Dùng thuốc chứa muối calci qua đường uống có thể gây kích

Để thuốc xa tầm tay của trẻ em



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: Trần Đình Hương

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

- ứng hệ tiêu hóa, gây táo bón và khó chịu ở dạ dày.
- Dùng Vitamin D với liều thông thường hàng ngày thường không gây độc. Tuy nhiên có thể xảy ra cường Vitamin D khi điều trị liều cao hoặc kéo dài hoặc khi tăng đáp ứng với liều bình thường Vitamin D và sẽ dẫn đến những biểu hiện lâm sàng rối loạn chuyển hóa calci.
- Tăng calci huyết và nhiễm độc Vitamin D thường gặp một số tác dụng sau:
 - + Thần kinh: yếu, mệt, ngủ gà, đau đầu.
 - + Tiêu hóa: chán ăn, khô miệng, vị kim loại, buồn nôn, nôn, chuột rút ở bụng, táo bón, tiêu chảy, chóng mặt.
 - + Tác dụng khác: ù tai, mất điều hòa, ngoại ban, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích.

Quá liều và cách xử trí

Calci:

- Triệu chứng:** Chán ăn, buồn nôn, nôn, táo bón, đau bụng, yếu cơ, rối loạn tinh thần, khát nhiều, đa niệu, nhiễm calci thận, loạn nhịp tim và hôn mê.
- Xử trí:** Truyền tĩnh mạch dung dịch natri clorid 0,9%. Cho lợi tiểu cưỡng bức bằng furosemid hoặc acid ethacrynic để tăng thải trừ nhanh calci và natri khi đã dùng quá nhiều dung dịch natri clorid 0,9%. Theo dõi điện tâm đồ và có thể sử dụng các chất chẹn beta-adrenergic để phòng loạn nhịp tim nặng. Có thể thẩm phân máu, có thể dùng calcitonin và adrenocorticoid trong điều trị. Theo dõi nồng độ calci trong máu một cách đều đặn.

Cholecalciferol (Vitamin D3):

- Triệu chứng:** Chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn và nôn, táo bón hay tiêu chảy, đa niệu, tiểu đêm, đổ mồ hôi, đau đầu, khát nhiều, ngủ gà và chóng mặt.
- Xử trí:** Ngưng thuốc, ngưng bổ sung calci, duy trì khẩu phần ăn có ít calci, uống nhiều nước hoặc truyền dịch. Có thể dùng corticosteroid hoặc các thuốc khác (như furosemid và acid ethacrynic) để giảm nồng độ calci trong huyết thanh. Có thể sử dụng lọc máu thận nhân tạo hoặc thẩm tách màng bụng để thải calci tự do ra khỏi cơ thể. Nếu ngộ độc Vitamin D cấp, có thể ngăn hấp thu Vitamin D bằng gây nôn hoặc rửa dạ dày. Nếu thuốc đã qua dạ dày, điều trị bằng dầu khoáng có thể thúc đẩy thải trừ Vitamin D qua phân.

Tương tác thuốc

Calci:

- Các thuốc ức chế thải trừ calci qua thận: thiazid, clopamid, ciprofloxacin, chlorthalidon, thuốc chống co giật.
- Calci làm giảm hấp thu demeclocyclin, doxycyclin, metacyclin, minocyclin, oxytetracyclin, tetracyclin, enoxacin, fleroxacin, levofloxacin, lomefloxacin, norfloxacin, ofloxacin, pefloxacin, sắt, kẽm, và những chất khoáng thiết yếu khác.
- Calci làm tăng độc tính đối với tim của các glycosid digitalis vì tăng nồng độ calci huyết sẽ làm tăng tác dụng ức chế Na⁺ - K⁺ - ATPase của glycosid tim.
- Glucocorticoid, phenytoin làm giảm hấp thu calci qua đường tiêu hóa. Chế độ ăn có phytat, oxalat làm giảm hấp thu calci vì tạo thành những phức hợp khó hấp thu.
- Phosphat, calcitonin, natri sulfat, furosemid, magnesi, cholestyramin, estrogen và một số thuốc chống co giật làm giảm calci huyết.
- Thuốc lợi niệu thiazid làm tăng nồng độ calci huyết.

Cholecalciferol (Vitamin D3):

- Không nên điều trị đồng thời Vitamin D với cholestyramin hoặc colestypol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu Vitamin D ở ruột.
- Sử dụng dầu khoáng quá mức cũng có thể cản trở hấp thu Vitamin D qua đường tiêu hóa.
- Điều trị đồng thời Vitamin D với thuốc lợi tiểu thiazid ở những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Cần giảm liều hoặc ngưng dùng Vitamin D tạm thời.
- Không nên dùng đồng thời Vitamin D với phenobarbital, phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxycholecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hóa Vitamin D thành những chất không có hoạt tính.
- Không nên dùng đồng thời Vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của Vitamin D.
- Không nên dùng đồng thời Vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

- Phụ nữ có thai: không gây hại khi dùng liều cao theo nhu cầu hàng ngày đã được khuyến cáo (liều RDA) cho người mang thai.
- Phụ nữ cho con bú: Vitamin D được bài tiết qua sữa. Không nên dùng thuốc với liều cao hơn liều RDA.
- Chỉ nên dùng thuốc để bổ sung thêm Vitamin D và calci nếu khẩu phần ăn không đủ hoặc thiếu tiếp xúc bức xạ tử ngoại.
- Hội ý kiến bác sĩ trước khi muốn dùng thuốc.**

Tác động của thuốc khi vận hành tàu xe, máy móc

Không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Trình bày

Hộp 01 tuýp chứa 10 viên nén sủi bọt.
Tuýp nhựa, nắp được đóng silicagel.

Bảo quản

Nơi khô, dưới 30°C, tránh nóng ẩm.
Đậy nắp kín ngay sau khi sử dụng.

Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn cơ sở.

Hạn dùng

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Lưu ý

**Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì.
Không dùng thuốc quá liều chỉ định.
Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.**



CTY TNHH HASAN - DERMAPHARM
Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam

Để thuốc xa tầm tay của trẻ em